

Bản án số: 119/2021/DS-ST
Ngày 13 - 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
mượn tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp MĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồng T; cư trú tại: Ấp MĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Kim A trình bày: Vào ngày 20/3/2019 âl, chị T có đến nhà bà mượn số tiền 15.000.000đ. Sau khi mượn một thời gian, chị T bị bế nợ và bỏ địa phương đi đến nay. Nhiều lần bà có liên hệ điện thoại yêu cầu chị T trả tiền, nhưng chị T hứa mà không trả. Nay bà yêu cầu chị T trả 15.000.000đ.

Chị Nguyễn Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến gì đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Kim A khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Hồng T trả số tiền 15.000.000đ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mượn tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Kim A có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Kim A và chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kim A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 20/3/2019 âl, chị Thoa có mượn của bà Kim A số tiền 15.000.000đ là thực tế có xảy ra. Việc mượn tiền giữa hai đương sự có lập “Biên nhận ngày 20/3/2019 âl”, chị T có ký tên, ghi họ tên vào biên nhận. Tuy nhiên, kể từ khi mượn tiền đến nay chị T không trả tiền cho bà Kim A, mặc dù bà Kim A có yêu cầu chị T trả nhiều lần. Mặt khác, hiện nay chị T không có mặt ở địa phương. Như vậy, việc chị T không có mặt ở địa phương được xem là chị T trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho bà Kim A. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Kim A là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với chị T, mặc dù chị đã biết được nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Kim A, nhưng chị không có ý kiến. Như vậy, lời trình bày của bà Kim A được xem là sự việc “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh” theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, chị T đã thừa nhận khoản nợ của bà Kim A.

[5] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $15.000.000đ \times 5\% = 750.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 494; khoản 3 Điều 496 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim A.

1. Buộc chị Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim A số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Kim A có đơn yêu cầu thi hành án, chị Nguyễn Hồng T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 750.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

